

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1296/QĐ-BXD**

Hà Nội, ngày **05** tháng **12** năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp**

**BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN ngày 08/4/2009 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về yêu cầu, trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và Thông tư số 11/2011/TT-BKHCN ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BKHCN;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2014/BXD về Sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định **Phân viện Vật liệu xây dựng**, địa chỉ: Lô I – 3b – 5, Đường N6, Khu công nghệ cao, P. Tân Phú, Quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, thực hiện việc **thử nghiệm/chứng nhận** chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng (tại Phụ lục kèm theo) phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng, số hiệu **QCVN 16:2014/BXD**.

**Điều 2.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 3 năm kể từ ngày ký.

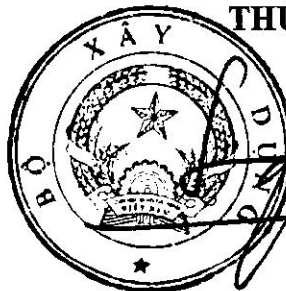
**Điều 3.** Tổ chức nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện công tác đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tổ chức nêu tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tên tổ chức tại Điều 1;
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà (để báo cáo);
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Vụ VLXD;
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Lê Quang Hùng**

**Phụ lục**  
**Danh mục sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng**  
**được chỉ định đánh giá sự phù hợp với QCVN 16:2014/BXD**

(Kèm theo Quyết định số **1296** /QĐ-BXD ngày **05** tháng **12** năm **2016**)

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</b>
<b>1</b>	<b>Sản phẩm clanhke xi măng và xi măng:</b>
1.1	Clanhke xi măng poóc lăng
1.2	Xi măng poóc lăng
1.3	Xi măng poóc lăng hỗn hợp
1.4	Xi măng poóc lăng trắng
1.5	Xi măng Alumin
1.6	Xi măng giêng khoan chủng loại G
1.7	Xi măng poóc lăng ít toả nhiệt
1.8	Xi măng poóc lăng hỗn hợp ít toả nhiệt
1.9	Xi măng poóc lăng bền sun phát
1.10	Xi măng poóc lăng hỗn hợp bền sun phát
1.11	Xi măng poóc lăng xi lò cao
1.12	Xi măng xây trát
<b>2</b>	<b>Sản phẩm kính xây dựng:</b>
2.1	Kính kéo
2.2	Kính nổi
2.3	Kính cán vân hoa
2.4	Kính màu hấp thụ nhiệt
2.5	Kính phủ phản quang
2.6	Kính phẳng tôi nhiệt
2.7	Kính dán nhiều lớp và kính dán an toàn nhiều lớp
2.8	Kính cốt lưới thép
2.9	Kính phủ bức xạ thấp
<b>3</b>	<b>Sản phẩm phụ gia cho xi măng, bê tông và vữa:</b>
3.1	Phụ gia khoáng cho xi măng
3.2	Xi hạt lò cao dùng để sản xuất xi măng
3.3	Phụ gia công nghệ cho xi măng
3.4	Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: silicafume (SF) và tro trấu nghiền mịn (RHA)
3.5	Phụ gia khoáng cho bê tông đầm lăn
3.6	Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông, vữa xây và xi măng
3.7	Phụ gia hoá học cho bê tông

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</b>
<b>4</b>	<b>Sản phẩm chứa sợi vô cơ, sợi hữu cơ tổng hợp; sản phẩm nhôm và hợp kim nhôm định hình; ống nhựa polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U) và sản phẩm trên cơ sở gỗ:</b>
4.1	Tấm sóng amiăng ximăng
4.2	Tấm thạch cao
4.3	Tấm xi măng sợi
4.4	Nhôm và hợp kim nhôm định hình
4.5	Hệ thống ống bằng chất dẻo dùng cho hệ thống cấp nước, thoát nước và cống rãnh được đặt ngầm và nổi trên mặt đất trong điều kiện có áp suất – Polyvinyl clorua không hóa dẻo (PVC-U)
4.6	Ván MDF
4.7	Ván dăm
4.8	Ván sàn gỗ nhân tạo
<b>5</b>	<b>Sản phẩm sơn, vật liệu chống thấm, vật liệu xám khe:</b>
5.1	Sơn tường dạng nhũ tương
5.2	Bột bả tường gốc ximăng poóc lăng
5.3	Sơn Epoxy
5.4	Sơn Alkyd
5.5	Tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính
5.6	Băng chặn nước PVC
5.7	Vật liệu chống thấm gốc ximăng-polyme
5.8	Silicon xám khe cho kết cấu xây dựng
<b>6</b>	<b>Sản phẩm gạch, đá ốp lát:</b>
6.1	Gạch gốm ốp lát ép bán khô
6.2	Gạch gốm ốp lát đùn dẻo
6.3	Gạch gốm ốp lát – Gạch ngoại thất Mosaic
6.4	Gạch terrazzo
6.5	Đá ốp lát nhân tạo trên cơ sở chất kết dính hữu cơ
6.6	Đá ốp lát tự nhiên
<b>7</b>	<b>Sản phẩm sứ vệ sinh:</b>
7.1	Xí bệt, tiểu nữ
7.2	Chậu rửa
7.3	Xí xôm
<b>8</b>	<b>Sản phẩm cốt liệu cho bê tông và vữa:</b>
8.1	Cốt liệu nhỏ (cát) cho bê tông và vữa
8.2	Cốt liệu lớn (đá dăm, sỏi, sỏi dăm) cho bê tông
8.3	Cát nghiền cho bê tông và vữa



<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng</b>
<b>9</b>	<b>Sản phẩm vật liệu xây:</b>
9.1	Gạch đặc đất sét nung
9.2	Gạch rỗng đất sét nung
9.3	Gạch bê tông
9.4	Bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)
9.5	Bê tông nhẹ - Bê tông bọt, khí không chưng áp
<b>10</b>	<b>Sản phẩm cửa sổ, cửa đi:</b>
10.1	Cửa sổ, cửa đi bằng khung nhựa cứng U-PVC
10.2	Cửa đi, cửa sổ – Cửa gỗ
10.3	Cửa đi, cửa sổ – Cửa kim loại

-----